

Số: 9 8 7/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc
trên địa bàn tỉnh Sơn La**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về nguyên tắc và thứ tự thực hiện điều chỉnh bổ sung quy hoạch các dự án điện;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tại các Văn bản:

- Số 4738/UBND-KT ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Số 3301/UBND-KT ngày 15 tháng 10 năm 2020 về kết quả rà soát thông số quy hoạch, hồ sơ quy hoạch một số dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Trên cơ sở Báo cáo bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện Xím Vàng và Xím Vàng 3 (sau khi được bổ sung, hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo) do Đơn vị tư vấn chuyên ngành lập theo quy định;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các Dự án thủy điện Xím Vàng và Xím Vàng 3 vào Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Sơn La. Vị trí xây dựng công trình, nhiệm vụ, sơ đồ khai thác và các thông số chính của các Dự án thủy điện nêu trên được ghi tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Việc đầu tư xây dựng các Dự án thủy điện tại Điều 1 của Quyết định này phải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch: Phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, sử dụng tài nguyên, phát triển điện lực. Đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng, tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng và các quy định có liên quan khác.

Điều 3. Trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình các Dự án thủy điện nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La chỉ đạo Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn và các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn thiện điều tra, khảo sát bổ sung, đánh giá đầy đủ các điều kiện tự nhiên khu vực dự án (địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, dân sinh, kinh tế - xã hội...);

- Tiếp tục nghiên cứu chuẩn xác quy mô mực nước dâng bình thường (MNDBT), mực nước chết (MNC), công suất lắp máy (N_{lm}), điện lượng trung bình năm (E_0) và phương án thiết kế các hạng mục công trình có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo công trình vận hành an toàn ổn định và giảm thiểu tác động đối với môi trường - xã hội;

- Đánh giá kỹ và thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của dự án đối với môi trường - xã hội. Trong đó, phải lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các phương án về: Trồng rừng thay thế, đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đập. Đảm bảo xả đủ cho cấp nước thủy lợi và sinh hoạt theo quy định;

- Rà soát, đánh giá kỹ quy hoạch đất rừng các loại và hiện trạng đất rừng của tỉnh, trên cơ sở đó xác định chính xác diện tích chiếm đất các loại của các dự án thủy điện nêu trên để thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

- Trong quá trình đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các nhà máy thủy điện phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liền kề phía thượng và hạ lưu, không ảnh hưởng đến các công trình công cộng, di tích lịch sử, văn hóa và các quy hoạch khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Luật Xây dựng, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

- Tiến độ thực hiện các Dự án phải phù hợp với tiến độ xây dựng lưới điện truyền tải trong khu vực.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Sơn La, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ đầu tư các dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, ĐL.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đặng Hoàng An

Phụ lục

THÔNG SỐ CHÍNH CỦA CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐƯỢC BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH THỦY ĐIỆN NHỎ TOÀN QUỐC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SON LA
(Ban hành theo Quyết định số: 9 8 /QĐ-BCT ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
1. Thủy điện Xím Vàng	+ Tuyến đập: 21°19'0,02" VĐB - 104°23'7,8" KĐĐ; + Nhà máy: 21°18'50,01" VĐB - 104°21'15,86" KĐĐ.	Suối Xím Vàng (nhánh cấp I của sông Đà)	Xã Xím Vàng, huyện Bắc Yên	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng kết hợp đập tràn trên suối Xím Vàng; tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ trái suối Xím Vàng và nhà máy kiểu hở xả nước ra suối Xím Vàng.	$F_{IV} = 29 \text{ km}^2$ MNDBT = 1.092 m MNHL _{min} = 825,75 m N _{lim} = 07 MW E _o = 23,21 triệu kWh
2. Thủy điện Xím Vàng 3	+ Tuyến đập: 21°16'7,25" VĐB - 104°19'10,56" KĐĐ; + Nhà máy: 21°15'40,47" VĐB - 104°17'36,54" KĐĐ.	Suối Xím Vàng (nhánh cấp I của sông Đà)	Xã Chim Vàn, huyện Bắc Yên	Phát điện lên lưới điện Quốc gia	Đập dâng kết hợp đập tràn trên suối Xím Vàng; tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ trái suối Xím Vàng và nhà máy kiểu hở xả nước trở lại suối Xím Vàng.	$F_{IV} = 72,1 \text{ km}^2$ MNDBT = 233,5 m MNHL _{min} = 117,7 m N _{lim} = 06 MW E _o = 21,03 triệu kWh

Ghi chú: F_{IV} : Diện tích lưu vực tính đến tuyến đập; MNDBT: Mức nước dâng bình thường; MNHL_{min}: Mức nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất; N_{lim}: Công suất lắp máy; E_o: Điện lượng bình quân năm.